TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2020/DS-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh.

2. Bà Lê Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Vũ Thùy Dung là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 133/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976

Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã N, huyện R, tỉnh Bình Phước; Địa chỉ liên hệ: đường P, phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Phan Quốc Đ, sinh năm 1998, địa chỉ: đường P, phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy ủy quyền ngày 18/3/2020; bà Trà Thị Thu T, sinh năm 1995, địa chỉ: đường P, phường K, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy ủy quyền ngày 04/9/2020).

- *Bị đơn:* Ông Chu Minh Q, sinh năm 1983

Địa chỉ: đường P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Do quen biết nên bà Nguyễn Thị H có cho ông Chu Minh Q vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, ông Q đã nhận đủ số tiền vay và ký xác nhận tại Giấy nhận tiền cùng ngày 25/02/2017, biên nhận không quy định thời hạn trả và không thỏa thuận tiền lãi.

Từ khi vay tiền đến nay thì bà H đã nhiều lần nhắc nợ đối với ông Q, bà H cũng đã gửi Thông báo thanh toán khoản vay vào ngày 25/11/2019 để yêu cầu ông Q thanh toán khoản nợ trên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo nhưng ông Q không thanh toán cho bà H, việc này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H.

Nay, bà H yêu cầu buộc ông Q trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 27/12/2019 đến ngày vụ án được đưa ra xét xử (ngày 29/9/2020), mức lãi suất 10%/năm với số tiền lãi là: 200.000.000 x 09 tháng 02 ngày x 10%/năm = 15.111.111 đồng, tổng cộng là 215.111.111 đồng.

2. Bị đơn - ông Chu Minh Q: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đối với ông Chu Minh Q; địa chỉ: đường P, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của bà H đòi ông Q trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 (Hai trăm triệu), Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì bà H có cho ông Q vay số tiền 200.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 25/02/2017, hai bên không xác định thời hạn trả nợ và lãi, đến ngày 25/11/2019 bà H có thông báo thanh toán khoản vay gửi cho ông Q, theo đó bà H yêu cầu ông Q trả nợ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Xét giao dịch vay tiền và thông báo đòi lại tiền giữa hai bên là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Theo nguyên đơn trình bày thì đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn số tiền đã vay, hồ sơ cũng không có tài liệu, chứng cứ để xác định bị đơn đã trả tiền vay cho nguyên đơn. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì trình bày của nguyên đơn được thừa nhận.

[8] Do đó, có cơ sở xác định ông Q còn nợ bà H số tiền vay là 200.000.000 đồng nên yêu cầu của bà H đòi ông Q trả số tiền nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Xét yêu cầu của bà H đòi ông Q trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 27/12/2019 đến ngày vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm (29/9/2020) với mức lãi suất 10%/năm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[10] Theo Giấy nhận nợ ngày 25/02/2017 ông Q xác nhận có nhận của bà H số tiền 200.000.000 đồng, không xác định thời hạn trả nợ và lãi. Tuy nhiên, ngày 25/11/2019 bà H đã có thông báo thanh toán khoản vay gửi cho ông Q, theo đó bà H yêu cầu ông Q trả nợ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo nhưng đến nay ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà H yêu cầu ông Q phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 27/12/2019 đến ngày vụ án được đưa ra xét xử (ngày 29/9/2020) với mức lãi suất 10%/năm, cụ thể tiền lãi là: 200.000.000 đồng x 10%/năm x 09 tháng 02 ngày = 15.111.111 đồng. Như vậy, bà H đã thông báo cho ông Q biết trước một thời gian hợp lý để ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, nhưng ông Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H và hai bên cũng không có thỏa thuận khác nên bà H yêu cầu ông Q phải trả tiền lãi như trên là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[11] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 15.111.111 đồng, tổng cộng là 215.111.111 đồng.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[13] Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[14] Bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 215.111.111 đồng nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 464, 465, 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H:

Buộc ông Q phải trả cho bà H ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ gốc 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng và tiền lãi 15.111.111 (Mười lăm triệu, một trăm mười một nghìn, một trăm mười một) đồng, tổng cộng là 215.111.111 (Hai trăm mười lăm triệu, một trăm mười một nghìn, một trăm mười một) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.755.556 (Mười triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu) đồng.

- Bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.500.000 (Năm triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0032465 ngày 20/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án, ông Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Dung).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Dương